

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính từ ngày 17/02/2016 đến 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính từ ngày 17/02/2016 đến 31/12/2016



Tháng 3 năm 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32



11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016 (thuộc năm tài chính đầu tiên).

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Lý Hoàng Trung	Chủ tịch
- Ông Trần Hoàng Khện	Thành viên
- Ông Phạm Phước Tài	Thành viên
- Ông Huỳnh Công Tấn	Thành viên

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Bà Mai Thị Hiền	Trưởng ban
- Bà Phan Thị Hà Thanh	Kiểm soát viên

3. Ban giám đốc và Kế toán trưởng

Ban giám đốc và Kế toán trưởng tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Trần Hoàng Khện	Giám đốc
- Ông Phạm Phước Tài	Phó giám đốc
- Ông Huỳnh Thiện Trị	Kế toán trưởng

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 7 Chi nhánh và 1 Xí nghiệp trực thuộc hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

5. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm vừa và nhỏ (có công suất dưới 70m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 32.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.568.990.412	VND
- Lợi nhuận khác	37.918.607	VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.606.909.019	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.127.594.845	VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.479.314.174	VND

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 21/08/2012 của UBND tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có**9. Kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính nêu trên của Công ty.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



11. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Cà Mau, ngày 30 tháng 03 năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔ PHÂN CẤP NƯỚC CÀ MAU
TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU

LÝ HOÀNG TRUNG

Số: 229/2016/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (“Công ty”) cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016 được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017 từ trang 6 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như đã nêu tại mục V8.11 – trang 21 phần thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang trình bày trên báo cáo tài chính khoản phải thu và phải trả liên quan đến đội sản xuất của Ông Khương Văn Dũng tương ứng là 141.167.500.210 đồng và 142.167.236.290 đồng do những công trình của đội này thi công chưa được quyết toán. Nếu những khoản này được



quyết toán và cân trừ công nợ thì tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 141.167.500.210 đồng.

- Như đã nêu tại mục V.10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản thu hồi tạm ứng từ nhà thầu Ý phải trả Ngân sách tại ngày 31/12/2016 là 485.659,65 EUR tương đương 11.776.760.853 đồng. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc EUR nêu trên số tiền là 593.573.633 đồng đang được hạch toán ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán. Theo Ban Giám đốc Công ty, khoản nợ phải trả cũng như khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái nêu trên sẽ được xử lý tùy thuộc vào Quyết định của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Ý.
- Như đã nêu tại điểm (e3) mục V.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng chi phí cổ phần hóa chưa được Công ty ghi nhận vào chi phí trước cổ phần hóa mà còn ghi nhận ở khoản mục phải thu về cổ phần hóa số tiền 3.857.943.287 đồng.
- Như đã nêu tại điểm (e) mục V.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã kết chuyển giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và chi phí chờ phân bổ của Xí nghiệp Năm Căn sang Tài khoản 138 – Phải thu khác với số tiền lần lượt là 6.436.808.259 đồng, 150.497.600 đồng và 1.887.072.758 đồng. Giá trị những khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau hoàn tất bán đấu giá những tài sản này. (Do UBND tỉnh Cà Mau đã có chủ trương bán Xí nghiệp Năm Căn và giá trị tài sản của Xí nghiệp Năm Căn đã được loại khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, nên Công ty không ghi nhận những tài sản này là tài sản của doanh nghiệp sau cổ phần hóa).
- Như đã nêu tại mục V.10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã kết chuyển số dư Quỹ lương phải trả cho người lao động và Quỹ khen thưởng phúc lợi trước khi cổ phần hóa sang tài khoản 338 – Phải trả ngắn hạn khác với số tiền lần lượt là 12.083.297.645 đồng và 12.563.063.712 đồng do không đủ nguồn tiền để chi trả và chờ ý kiến chỉ đạo của cơ quan chủ quản trước khi cổ phần hóa. Vấn đề này sẽ được xử lý tùy thuộc vào Quyết định của Ban đổi mới doanh nghiệp.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Nhân

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán ĐFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Lê Đình Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1756-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Mẫu số : B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	17/02/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		230.656.552.017	243.706.454.803
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	23.399.282.374	20.607.491.601
1. Tiền	111		23.399.282.374	20.607.491.601
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	180.850.570.598	195.459.255.340
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		8.702.517.855	9.666.284.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.423.923.138	2.160.440.002
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		168.724.129.605	183.614.585.811
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	17.945.469
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.3	26.406.699.045	27.556.668.206
1. Hàng tồn kho	141		26.406.699.045	27.556.668.206
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		-	83.039.656
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.9	-	83.039.656
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		277.595.498.579	234.209.250.853
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		222.998.505.439	160.414.166.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	222.792.685.369	160.200.166.468
- Nguyên giá	222		308.141.265.651	225.858.494.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.348.580.282)	(65.658.328.354)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	205.820.070	214.000.000
- Nguyên giá	228		318.832.474	214.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.012.404)	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		42.715.616.361	64.791.100.156
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	42.715.616.361	64.791.100.156
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		11.881.376.779	9.003.984.229
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	11.881.376.779	9.003.984.229
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		508.252.050.596	477.915.705.656

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Mẫu số : B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	17/02/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		352.316.542.964	345.879.491.326
I. Nợ ngắn hạn	310		317.492.993.922	304.010.014.770
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	185.832.530.982	207.736.833.951
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	3.488.010.521	6.538.298.695
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.547.719.744	1.607.563.276
4. Phải trả người lao động	314		5.948.578.988	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.475.770	300.279.038
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	119.839.043.627	87.827.039.810
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		826.634.290	-
II. Nợ dài hạn	330		34.823.549.042	41.869.476.556
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	34.823.549.042	41.869.476.556
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.935.507.632	132.036.214.330
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	155.935.507.632	132.036.214.330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.349.000.000	86.462.771.356
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.349.000.000	86.462.771.356
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(593.573.633)	(1.058.835.577)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		786.720.843	4.953.083.095
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		393.360.422	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	41.679.195.456
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		508.252.050.596	477.915.705.656


TRẦN NGỌC THÚY
 Người lập
 Ngày 30 tháng 03 năm 2017


HUỲNH THIÊN TRÍ
 Kế toán trưởng




TRẦN HOÀNG KHỆN
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Mẫu số : B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		94.649.936.864	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		432.754.083	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	94.217.182.781	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	66.270.661.229	-
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		27.946.521.552	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	291.927.694	-
7. Chi phí tài chính	22		1.963.426.674	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.963.426.674	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	1.566.315.533	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	14.139.716.627	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.568.990.412	-
11. Thu nhập khác	31	VI.6	86.929.281	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	49.010.674	-
13. Lợi nhuận khác	40		37.918.607	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.606.909.019	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.127.594.845	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.479.314.174	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	492	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9		-


TRẦN NGỌC THÚY

Người lập

Ngày 30 tháng 03 năm 2017


HUỲNH THIÊN TRÍ

Kế toán trưởng

**TRẦN HOÀNG KHỆN**

Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Trang 8/32

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số : B 03 - DN

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	104.698.527.642	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(63.909.623.113)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.422.536.393)	-
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.938.823.904)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.491.256.204)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	28.827.056.237	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.538.837.330)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.224.506.935	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.765.177.286)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.911.599.444)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	289.988.082	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.386.788.648)	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.045.927.514)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.045.927.514)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.791.790.773	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.607.491.601	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.399.282.374	-



TRẦN NGỌC THÚY

Người lập

Ngày 30 tháng 03 năm 2017



HUỲNH THIÊN TRỊ

Kế toán trưởng



TRẦN HOÀNG KHẾN

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ – UBND ngày 21/8/2012 của UBND tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 155.349.000.000 đồng bao gồm 15.534.900 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng với tỷ lệ sở hữu như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	13.436.000	134.360.000.000	86,49%
- Các cổ đông khác	2.098.900	20.989.000.000	13,51%
Cộng	15.534.900	155.349.000.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 là 155.349.000.000 đồng và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch và các dịch vụ có liên quan.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm vừa và nhỏ (có công suất dưới 70m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 21/8/2012 của UBND tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 7 Chi nhánh và 1 Xí nghiệp trực thuộc hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

7. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau kết thúc vào ngày 16/02/2016 đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 17/02/2016. Riêng các khoản mục Thuế phải thu và phải nộp Nhà Nước được được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế đến ngày 16/02/2016.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày 17/02/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

Các kỳ kế toán tiếp của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Riêng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2016 là do đánh giá lại số dư khoản bảo lãnh dự thầu của Chính phủ Ý còn được theo dõi trên TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán. Khoản nợ này đang chờ hướng xử lý của hai Chính phủ Ý và Việt Nam.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn ngoại trừ khoản tiền gửi có kỳ hạn.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản đi vay được thể hiện theo giá gốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực kế toán về ghi nhận doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Năm tài chính 2016, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm tại ngày 17/02/2016 là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau kết thúc vào ngày 16/02/2016 đã được kiểm toán, chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 17/02/2016. Riêng các khoản mục Thuế phải thu và phải nộp Nhà Nước được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế đến ngày 16/02/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2016</u>	<u>17/02/2016</u>
Tiền mặt	57.900.470	689.729.329
Tiền gửi ngân hàng	23.341.381.904 (a)	19.917.762.272
Cộng	<u>23.399.282.374</u>	<u>20.607.491.601</u>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN, CN Cà Mau	4.052.204.758
- Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau (VND)	18.534.412.330
- Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau (242,57 EUR)	5.895.164
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN, CN Cà Mau (VND)	743.469.072
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN, Khu vực Minh Hải (VND)	5.400.580
Cộng	<u>23.341.381.904</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

<i>Khoản mục</i>	<u>31/12/2016</u>	<u>17/02/2016</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.702.517.855 (b)	9.666.284.058
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.423.923.138 (c)	2.160.440.002
Phải thu ngắn hạn khác	168.724.129.605 (d)	183.614.585.811
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	17.945.469
Cộng	<u>180.850.570.598</u>	<u>195.459.255.340</u>

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2016 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<u>Số tiền</u>	<u>Trong đó nợ khó đòi</u>
- Phải thu các công trình xây lắp	5.966.342.682	-
- Phải thu tiền nước và lắp đặt ống nhánh	2.736.175.173	-
Cộng	<u>8.702.517.855</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 như sau:

Người bán	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Bebinggsa – Via E Marelli 165	373.662.529	-
- Công ty TNHH TVXDHTTK & MT Thanh Hưng	617.372.700	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất	206.265.819	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lê Vy	1.014.284.500	-
- Xí nghiệp Môi trường	210.055.386	-
- Khương Văn Dũng	278.971.210	-
- Các nhà cung cấp khác	723.310.994	-
Cộng	3.423.923.138	-

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Dư Nợ 138 – Phải thu khác (e)	56.405.914.255	1.473.748.585
- Dư Nợ 141 – Tạm ứng (f)	110.569.962.588	-
- Dư Nợ 244 – Ký quỹ (g)	342.208.678	-
- Dư Nợ 338 – Phải trả khác (h)	1.406.044.084	-
Cộng	168.724.129.605	1.473.748.585

(e) Chi tiết số dư Nợ TK 138 - Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Phải thu tiền lãi cho các đội vay (e1)	1.046.179.384	-
- Phải thu tiền mua vật tư hộ cho các đội (e2)	35.245.328.418	-
- Phải thu chi phí BQLDAXDHTTN&XLNT TP. Cà Mau	17.733.990	-
- Phí bảo vệ môi trường	20.336.964	-
- Chi phí cổ phần hóa (e3)	3.857.943.287	-
- Phải thu cổ phần hóa về cổ phần ưu đãi	2.377.200.000	-
- TSCĐVH của XN Năm Căn chờ chuyển nhượng	150.497.600	-
- TSCĐHH của XN Năm Căn chờ chuyển nhượng	6.436.808.259	-
- Chi phí chờ phân bổ - XN Năm Căn chờ chuyển nhượng	1.887.072.758	-
- Phải thu tiền cho vay – Cao Minh Hoàng (e4)	400.000.000	-
- Phải thu lại Ban QLDA do phê duyệt Quyết toán	2.079.101.962	-
- Các khoản phải thu khác	2.887.711.633	1.473.748.585
Cộng	56.405.914.255	1.473.748.585

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(e1) Chi tiết số dư phải thu tiền lãi cho các đội vay như sau:

	Số tiền
- Khương Văn Dũng (*)	995.257.384
- Cao Minh Hoàng	50.922.000
Cộng	1.046.179.384

(*) Xem thêm chi tiết tại mục V8.I1 trang 21

(e2) Chi tiết số dư phải thu tiền chi hộ mua vật tư cho các đội như sau:

	Số tiền
- Khương Văn Dũng (*)	34.827.236.365
- Cao Minh Hoàng	410.592.053
- Huỳnh Công Tấn	7.500.000
Cộng	35.245.328.418

(*) Xem thêm chi tiết tại mục V8.I1 trang 21

Các khoản phải thu của các đội thi công xây lắp nêu từ (e1) đến (e2) phát sinh đã từ nhiều năm trước lũy kế đến nay do chậm quyết toán công trình nên khó thu hồi.

(e3) Đây là chi phí thực hiện công tác cổ phần hóa, bao gồm cả chi phí trợ cấp thôi việc và xử lý lao động dôi dư trước khi cổ phần hóa. Công ty xin ý kiến xử lý trước khi cổ phần hóa nhưng đến nay vẫn chưa được xử lý.

(e4) Đây là khoản cho vay để thi công công trình, tuy nhiên công trình này đã tạm ngưng thi công hoặc chậm quyết toán nên Công ty đã tạm ngưng tính lãi vay.

(f) Chi tiết số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Cao Minh Hoàng	3.200.000.000	-
- Đặng Thái Ngân	869.500.000	-
- Khương Văn Dũng (*)	105.066.035.251	-
- Các cá nhân khác	1.434.427.337	-
Cộng	110.569.962.588	-

(*) Xem thêm chi tiết tại mục V8.I1 trang 21

(g) Chi tiết số dư các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền
- Công ty Điện lực Cà Mau	113.636.846
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau	195.000.000
- Bảo lãnh dự thầu công trình di dời ống nước	30.000.000
- Lãi ký quỹ	3.571.832
Cộng	342.208.678



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(h) Chi tiết số dư Nợ TK 338 tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền
- Phải thu tiền chế độ ốm đau	255.294.445
- Kinh phí công đoàn	151.651.586
- Khoản chuyển vốn qua Công ty Môi trường Đô thị Cà Mau sẽ được đối trừ với khoản phải trả Ngân sách	675.981.500
- Nộp xuất toán các công trình xây dựng	286.713.000
- Các đối tượng khác	36.403.553
Cộng	1.406.044.084

(i) Chi tiết số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2016 như sau:

Khoản mục	Nợ khó đòi	Số đã trích lập dự phòng	Số chưa trích lập dự phòng
- Phải thu khác	1.473.748.585	-	1.473.748.585
Cộng	1.473.748.585	-	1.473.748.585

3. Hàng tồn kho

Khoản mục	31/12/2016	17/02/2016
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	8.392.860.371 (j)	7.316.239.772
Công cụ, dụng cụ trong kho	37.266.805	28.070.637
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.976.571.869 (k)	20.212.357.797
Cộng giá gốc hàng tồn kho	26.406.699.045	27.556.668.206

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(j) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền
- Văn phòng Công ty	6.616.127.591
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty	1.733.049.165
- Nhiên liệu	43.683.615
Cộng	8.392.860.371

(k) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền
- Chi phí xây lắp các công trình dở dang	17.976.571.869
Cộng	17.976.571.869

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	17/02/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Nguyên giá	225.858.494.822	82.387.603.303	104.832.474	308.141.265.651
- Nhà cửa, vật kiến trúc	215.050.044.679	81.060.142.432	-	296.110.187.111
- Máy móc, thiết bị	5.329.160.266	1.135.058.759	-	6.464.219.025
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.647.070.615	192.402.112	-	1.839.472.727
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.832.219.262	-	104.832.474	3.727.386.788
Hao mòn lũy kế	65.658.328.354	19.786.712.364	96.460.436	85.348.580.282
- Nhà cửa, vật kiến trúc	60.379.055.463	18.397.578.213	-	78.776.633.676
- Máy móc, thiết bị	4.372.377.495	744.399.827	-	5.116.777.322
- PT vận tải, TB truyền dẫn	179.161.524	125.130.339	-	304.291.863
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	727.733.872	519.603.985	96.460.436	1.150.877.421
Giá trị còn lại	160.200.166.468			222.792.685.369
- Nhà cửa, vật kiến trúc	154.670.989.216			217.333.553.435
- Máy móc, thiết bị	956.782.771			1.347.441.703
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.467.909.091			1.535.180.864
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.104.485.390			2.576.509.367

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

Số tiền

Tăng do mua sắm	113.311.000
- Làm chắn mưa nắng	113.311.000
Tăng do kết chuyển từ công trình XD CB sang	31.564.159.252
- Hệ thống dự án cấp nước TP. Cà Mau	26.348.715.384
- Lắp đặt tuyến ống	5.215.443.868
Tăng do đánh giá lại tài sản theo Biên bản XĐGTDN	50.710.133.051
Cộng	82.387.603.303

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong giai đoạn tài chính này như sau:

Số tiền

- Kết chuyển phần mềm kế toán sang TSCĐ vô hình	104.832.474
Cộng	104.832.474
- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: Không có	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.405.725.193	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	17/02/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Nguyên giá	214.000.000	104.832.474	-	318.832.474
Quyền sử dụng đất	85.000.000	-	-	85.000.000
Phần mềm quản lý	129.000.000	104.832.474	-	233.832.474
Hao mòn lũy kế	-	113.012.404	-	113.012.404
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm quản lý	-	113.012.404	-	113.012.404
Giá trị còn lại	214.000.000			205.820.070
Quyền sử dụng đất	85.000.000			85.000.000
Phần mềm quản lý	129.000.000			120.820.070

Chi tiết tài sản cố định vô hình tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển phần mềm kế toán từ TSCĐ hữu hình sang	104.832.474
Cộng	104.832.474

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết số dư Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2016 như sau:

Công trình	31/12/2016	17/02/2016
- Dự án cấp nước TP. Cà Mau	-	20.417.290.046
- Hệ thống thoát nước giai đoạn 2	-	4.560.265.345
- Hệ thống cấp nước Rạch Gốc	29.870.419.253	35.030.650.094
- Hệ thống cấp nước khối huyện	9.070.538.739	1.235.443.291
- Hệ thống cấp nước Trần Văn Thời	754.282.000	275.591.819
- Các công trình nội bộ	1.573.687.643	-
- Hệ thống cấp nước U Minh	-	613.333.239
- Hệ thống cấp nước Cái nước	1.446.688.726	1.449.336.182
- Các công trình khác		1.209.190.140
Cộng	42.715.616.361	64.791.100.156

7. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	31/12/2016	17/02/2016
- Chi phí lắp đặt ống nhánh, chi phí nhân công lắp đặt thủy lượng kế và giá trị CCDC chờ phân bổ	10.905.621.648	9.003.984.229
- Giá trị CCDC tăng thêm do đánh giá lại theo BBXĐGTDN	529.488.000	-
- Lợi thế thương mại	446.267.131	-
Cộng	11.881.376.779	9.003.984.229

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2016	17/02/2016
Phải trả người bán ngắn hạn	185.832.530.982 (i)	207.736.833.951
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.488.010.521 (m)	6.538.298.695
Cộng	189.320.541.503	214.275.132.646

(l) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền
- Phải trả chi phí xây lắp cho các đội và các nhà cung cấp (l1)	184.905.136.479
- Vật tư thừa - do xuất toán	927.394.503
Cộng	185.832.530.982

(l1) Trong đó, chi tiết số dư phải trả cho các nhà cung cấp và các đội thi công tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền
- Bebinggsa – Via E Marelli 165	1.063.358.863
- Công ty TNHH TVXDHTTK & MT Thanh Hưng	699.742.957
- Công ty CP Xây lắp Miền Nam	1.153.147.000
- Công ty TNHH XDTM CTN Phương Nam	371.254.000
- Công ty CP Tư vấn XD & MT Nam Bộ	345.425.520
- Công ty TNHH MTV TM&DV Tân Tập Nguyên	1.170.184.237
- Điện lực Cà Mau	483.620.848
- BQL dự án Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau	1.319.447.532
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lê Vy	453.573.500
- Công ty TNHH TMDV Huỳnh Gia	581.857.676
- Xí nghiệp Cấp nước	5.913.358.165
- Xí nghiệp Môi trường (Dương Thành Nghĩa)	3.296.739.977
- Cầu cống đá – Huyện Phú Tân (Công trình cũ)	7.736.521.517
- Đường Ô tô đến Trung tâm Xã Định Bình (Công trình cũ)	9.835.222.938
- Nguyễn Hữu Huy	1.962.881.077
- Khương Văn Dũng (**)	142.167.236.290
- Cao Minh Hoàng	3.050.504.908
- Nguyễn Văn Khanh	332.883.670
- Phải trả cho các nhà cung cấp khác	2.968.175.804
Cộng	184.905.136.479

(**) Chi tiết công nợ liên quan đến Ông Khương Văn Dũng:

- Khoản phải thu tiền tạm ứng thi công (TK141)	105.066.035.251
- Khoản phải thu tiền Công ty mua hộ vật tư (TK138)	34.827.236.365
- Khoản phải thu tiền lãi cho vay	995.257.384
- Khoản trả trước cho người bán	278.971.210
- Khoản phải trả tiền thi công công trình chưa quyết toán	(142.167.236.290)
Khoản còn phải trả tại ngày 31/12/2016	999.736.080

Các khoản công nợ phải thu, phải trả đối với đội sản xuất của Ông Khương Văn Dũng đã tồn đọng từ nhiều năm và đến nay vẫn chưa được quyết toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(m) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền
- Khách hàng trả trước tiền xây lắp theo tiến độ	3.458.010.521
- Các đối tượng khác	30.000.000
Cộng	3.488.010.521

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp	1.524.523.620	15.212.625.275	15.189.429.151	1.547.719.744
Thuế GTGT đầu ra	(83.039.656)	2.333.409.951	1.899.529.334	350.840.961
Thuế TNDN	563.375.904	2.127.594.845	2.514.393.820	176.576.929
Thuế TNCN	-	265.048.082	265.048.082	-
Thuế tài nguyên	459.992.875	4.345.379.418	4.304.070.751	501.301.542
Thuế nhà đất	-	34.620.474	34.620.474	-
Các loại thuế khác	80.396.880	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và PN khác	503.797.617	6.102.572.505	6.167.766.690	519.000.312
Cộng	1.524.523.620	15.212.625.275	15.189.429.151	1.547.719.744

10. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	17/02/2016
BHXH, BHYT, BHTN	677.025.168	673.419.415
Ngân sách cho tạm ứng 15% giá trị gói thầu DACN	4.000.000.000	4.000.000.000
Thu hồi tạm ứng từ nhà thầu Ý trả Ngân sách	11.776.760.853 (&)	12.242.022.797
Quỹ tiền lương năm trước còn lại chưa chi (*)	12.083.297.645 (*)	18.337.955.645
Tạm ứng vốn thi công	5.400.000.000	5.400.000.000
Phải nộp Ngân sách từ lợi nhuận sau thuế	3.855.788.019	3.855.788.019
Phí bảo vệ môi trường	517.588.557	518.652.821
Thuế tài nguyên Ngân sách cấp nộp	8.422.722.654	8.337.021.179
Quỹ khen thưởng – phúc lợi chưa chi	12.563.063.712 (*)	12.834.442.004
Phải trả cổ phần hóa (40% cổ phần ưu đãi)	2.377.200.000	-
Phải trả về cổ phần hóa (Vốn Nhà nước)	31.294.694.921	-
Cổ phần bán đấu giá lần đầu	18.641.000.000	18.641.000.000
Tiền trợ cấp mất việc làm cho lao động dôi dư	847.348.000 (**)	-
Cổ tức tạm trích chờ Nghị quyết ĐHĐCĐ	5.507.045.903	-
Công ty nước Khánh An	-	2.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.263.402.454	986.737.930
Cộng	119.839.043.627	87.827.039.810

(&) Đây là khoản Chính Phủ Ý bảo lãnh dự thầu cho Nhà thầu Ý số tiền 485.659,65 EUR. Khoản nợ này đang chờ hai Chính phủ Việt Nam và Ý thỏa thuận xử lý.

(*) Số dư quỹ lương và quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho người lao động được Công ty kết chuyển sang theo dõi ở tài khoản 338 – Phải trả khác trước khi cổ phần hóa, chờ ý kiến xử lý của cơ quan chủ quản vì hiện nay Công ty không đủ nguồn tiền để chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(**) Đây là khoản chi trợ cấp mất việc làm cho 27 lao động dôi dư (trong đó có 21 người đủ điều kiện nhận trợ cấp mất việc làm và 6 người không đủ điều kiện nhận trợ cấp mất việc làm do công tác sau năm 2008) theo Phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động trước khi cổ phần hóa. Công ty đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với 27 người lao động nêu trên kể từ ngày 27/07/2016. Tuy nhiên, đến nay các lao động nêu trên vẫn chưa nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cũng như tiền trợ cấp mất việc làm nêu trên do chưa thống nhất với Phương án tái cơ cấu lao động của Công ty.

11. Vay dài hạn

Ngân hàng	31/12/2016	17/02/2016
Vay dài hạn	34.823.549.042 (n)	41.869.476.556
Cộng	34.823.549.042	41.869.476.556

(n) Chi tiết số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, KV Minh Hải (Vay trực tiếp)	4.968.744.440
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, KV Minh Hải (Vay lại từ nguồn vốn ODA - EUR (*))	26.880.796.064
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Cà Mau	2.974.008.538
Cộng	34.823.549.042

(*) Đây là khoản vay có nợ gốc là 1.379.563,00 EUR nhưng được trả gốc theo tỷ giá khi nhận nợ.

12. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu giai đoạn tài chính này

Khoản mục	17/02/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.462.771.356	100.180.923.565 (31.294.694.921)		155.349.000.000
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.058.835.577)	465.261.944	-	(593.573.633)
- Quỹ đầu tư phát triển	4.953.083.095	786.720.843 (4.953.083.095)		786.720.843
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	393.360.422		393.360.422
- Lợi nhuận ST chưa PP	-	8.479.314.174 (8.479.314.174)		-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	41.679.195.456	- (41.679.195.456)		-
Cộng	132.036.214.330	110.305.580.948	86.406.287.646	155.935.507.632

Vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	13.436.000	134.360.000.000	86,49%
- Các cổ đông khác	2.098.900	20.989.000.000	13,51%
Cộng	15.534.900	155.349.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2016 là do đánh giá lại số dư khoản bảo lãnh dự thầu của Chính phủ Ý. Khoản nợ này đang chờ hướng xử lý của hai Chính phủ Ý và Việt Nam.

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm tài chính này như sau:

	Số tiền
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo BBXĐGTDN	53.548.645.014
- Kết chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển của giai đoạn DNNN	4.953.083.095
- Kết chuyển từ Nguồn vốn ĐTXDCB của giai đoạn DNNN	41.679.195.456
Cộng	100.180.923.565

Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong năm tài chính này như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang khoản vốn thừa phải trả Nhà nước sau CPH	31.294.694.921
Cộng	31.294.694.921

Chi tiết Quỹ đầu tư phát triển giảm trong năm tài chính này như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang vốn phải trả Nhà nước trước khi CPH	4.953.083.095
Cộng	4.953.083.095

Chi tiết tăng/giảm lợi nhuận sau thuế trong năm như sau:

	Số tiền
- Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	-
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm	8.479.314.174
Cộng	8.479.314.174
- Lợi nhuận sau thuế của XN Năm Căn nộp Ngân sách	(612.105.741)
- Trích Quỹ ĐTPT	(786.720.843)
- Trích Quỹ khác thuộc vốn CSH	(393.360.422)
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	(78.672.084)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.101.409.181)
- Trích chia cổ tức	(5.507.045.903)
Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2016	-

Công ty tạm tính và trích các quỹ, trích tỷ lệ cổ tức dựa trên điều lệ Công ty, số cụ thể phải trích sẽ được xác định cụ thể theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty.

Nguồn vốn đầu tư XDCB giảm trong kỳ này như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang vốn phải trả Nhà nước trước khi CPH	41.679.195.456
Cộng	41.679.195.456

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	86.462.771.356	-
▪ Vốn góp tăng trong năm	68.886.228.644	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	155.349.00.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<hr/>		
(c) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa công bố		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có		
(d) Cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.534.900	-
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	15.534.900	-
▪ Cổ phiếu thường	15.534.900	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.534.900	-
▪ Cổ phiếu thường	15.534.900	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<hr/>	<hr/>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Thu phí vệ sinh	188.203.801	-
- Sản xuất nước	84.907.679.273	-
- Lắp đặt ống nhánh	2.356.037.396	-
- Lắp đặt ống cái	175.363.638	-
- Xây lắp	6.559.898.670	-
- Dịch vụ khác	30.000.003	-
Cộng	94.217.182.781	-

2. Giá vốn hàng bán

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng bán – Dịch vụ cấp nước	60.074.995.414	-
- Giá vốn hàng bán – Dịch vụ xây lắp	6.195.665.815	-
Cộng	66.270.661.229	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Thu lãi cho các đội vay	-	-
- Thu lãi tiền gửi ngân hàng	291.927.694	-
Cộng	291.927.694	-

4. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	1.378.856.926	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.365.227	-
- Chi phí bằng tiền khác	177.093.380	-
Cộng	1.566.315.533	-

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	8.690.554.151	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	431.530.008	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.177.591.870	-
- Thuế, phí và lệ phí	34.620.474	-
- Chi phí bằng tiền khác	3.805.420.124	-
Cộng	14.139.716.627	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6. Thu nhập khác		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Khoản mục</i>			
-	Nhượng bán phế liệu	4.000.000	-
-	Thu nhập khác	82.929.281	-
	Cộng	86.929.281	-
7. Chi phí khác		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Khoản mục</i>			
-	Phạt chậm nộp thuế	31.065.205	-
-	Xử lý hàng thiếu trong kiểm kê	17.945.469	-
	Cộng	49.010.674	-
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Khoản mục</i>			
-	Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	2.127.594.845	-
-	Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay	-	-
	Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.127.594.845	-
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
9.a Lãi cơ bản trên cổ phiếu		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
-	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.479.314.174	-
-	Trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.180.081.265)	-
-	Trừ các khoản khác (Lợi nhuận sau thuế của Xí nghiệp Năm Căn nộp ngân sách)	(612.105.741)	-
	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông phổ thông	6.687.127.168	-
-	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	13.593.038	-
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	492	-
9.b Lãi suy giảm trên cổ phiếu		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông phổ thông	6.687.127.168	-
-	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	13.593.038	-
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	492	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nguyên vật liệu	11.743.425.696	-
- Chi phí nhân công	22.108.298.299	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18.230.441.731	-
- Chi phí máy thi công	226.827.046	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	497.065.892	-
- Chi phí khác	9.835.948.954	-
- Chi phí bán hàng	1.566.315.533	-
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.139.716.627	-
Cộng	78.348.039.778	-

11. Chi phí thuế TNDN hiện hành

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	2.127.594.845	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.127.594.845	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có

2. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có

3. **Thông tin về các bên liên quan:** không có

4. **Thông tin so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau kết thúc vào ngày 16/02/2016 đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 17/02/2016. Riêng các khoản mục Thuế phải thu và phải nộp Nhà Nước được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế đến ngày 16/02/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

6. Thay đổi chính sách kế toán:

Năm 2016, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III.18

Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	17/02/2016
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.399.282.374	20.607.491.601
Phải thu khách hàng và phải thu khác	177.426.647.460	193.280.869.869
Đầu tư ngắn hạn/dài hạn	-	-
Tổng cộng	200.825.929.834	213.888.361.470
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	34.823.549.042	41.869.476.556
Phải trả người bán và phải trả khác	305.671.574.609	295.563.873.761
Chi phí phải trả	10.475.770	300.279.038
Tổng cộng	340.505.599.421	337.733.629.355

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp.

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD và EUR như sau:

Tài sản	(USD)		(EUR)	
	31/12/2016	17/02/2016	31/12/2016	17/02/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	242,57	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	242,57	-

Công nợ phải trả	(USD)		(EUR)	
	31/12/2016	17/02/2016	31/12/2016	17/02/2016
Các khoản vay	-	-	1.379.563,00	1.427.414,00
Phải trả người bán, phải trả khác	-	-	485.659,65	485.659,65
Cộng	-	-	1.865.222,65	1.913.073,65

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

-Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

-Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2016			
Các khoản vay	-	34.823.549.042	34.823.549.042
Phải trả người bán và phải trả khác	305.671.574.609	-	305.671.574.609
Chi phí phải trả	10.475.770	-	10.475.770
Cộng	305.682.050.379	34.823.549.042	340.505.599.421
Tại ngày 17/02/2016			
Các khoản vay	-	41.869.476.556	41.869.476.556
Phải trả người bán và phải trả khác	295.563.873.761	-	295.563.873.761
Chi phí phải trả	300.279.038	-	300.279.038
Cộng	295.864.152.799	41.869.476.556	337.733.629.355
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.399.282.374	-	23.399.282.374
Phải thu khách hàng và phải thu khác	177.426.647.460	-	177.426.647.460
Đầu tư ngắn và dài hạn	-	-	-
Cộng	200.825.929.834	-	200.825.929.834
Tại ngày 17/02/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.607.491.601	-	20.607.491.601
Phải thu khách hàng và phải thu khác	193.280.869.869	-	193.280.869.869
Đầu tư ngắn và dài hạn	-	-	-
Cộng	213.888.361.470	-	213.888.361.470

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong kỳ, Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là cấp nước và những dịch vụ liên quan đến hoạt động cấp nước, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong Báo cáo tài chính.



TRẦN NGỌC THÚY

Người lập

Ngày 30 tháng 03 năm 2017



HUỲNH THIỆN TRÍ

Kế toán trưởng



TRẦN HOÀNG KHẾN

Giám đốc